

LÊ DUẤN

**SỰ RA ĐỜI, PHÁT TRIỂN VÀ KHẢ
NĂNG LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP
VÔ SẢN VIỆT NAM**



Thép Đỏ

VÔ SẢN TOÀN CẦU, ĐẠI ĐOÀN KẾT!

WORKERS OF THE WORLD, UNITE!

全世界无产者，大团结起来！

ПРОЛЕТАРИИ ВСЕХ СТРАН,
СОЕДИНЯЙТЕСЬ!

!اتحدوا العالم عمال يا



LÊ DUẨN

**“Học ở trường, học ở sách vở,
học lẫn nhau và học nhân dân”**

**Kính mong được cùng các đồng chí chung tay
xây dựng văn hóa đọc!**

Liên hệ: dongtienmarxist@gmail.com

LÊ DUÂN

SỰ RA ĐỜI, PHÁT
TRIỂN VÀ KHẢ NĂNG
LÃNH ĐẠO CỦA
GIAI CẤP VÔ SẢN
VIỆT NAM

Thép Đỏ

2025

LỜI MỞ ĐẦU

Lựa chọn xây dựng chủ nghĩa xã hội và trung thành với học thuyết Mác-Lênin là con đường mà Đảng và Nhân dân ta đã chọn. Tuy nhiên, chặng đường này là một đoạn trường kỳ gian lao. Lý tưởng ấy đã trải qua sự rèn mài của khói lửa, của máu và nước mắt, của bao thăng trầm, biến động lịch sử. Song, sự gian lao đó đôi khi làm cho một số đồng chí, một bộ phận giới trẻ tỏ ra hoài nghi với con đường mà nhân dân đã lựa chọn, nghi ngờ khả năng lãnh đạo của giai cấp vô sản Việt Nam. Những hoài nghi này do nhiều nguyên nhân cấu thành, song xét thấy có hai nguyên nhân chính: 1. Chưa hiểu rõ được nguồn gốc ra đời của giai cấp vô sản, cho rằng tính chất giai cấp của vô sản Việt Nam là không thuần chất vì đã bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa; 2. Chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò, sứ mệnh lãnh đạo của giai cấp vô sản trong tương quan giữa các lực lượng khác trong xã hội Việt Nam, từ đó dễ rơi vào chủ nghĩa bình quân. Cuốn tập này là tổng kết những trích đoạn, phân tích những bài phát biểu, giảng văn của đồng chí Lê Duẩn nhằm làm tài liệu học tập, mục đích là để hiểu tỏ hơn về vấn đề này. Cuốn tập cũng bao gồm phần bút ký của Ban Biên tập để khái quát hóa lại những ý chính mà đồng chí Lê Duẩn đã truyền đạt.

DỰ ÁN THÉP ĐỎ

MỤC LỤC

I.....	6
GIẢI CẤP VÔ SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO?	6
1. Thế nào là “vô sản hóa”?	6
2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam và bước đường vô sản hóa của quần chúng lao động và dân cây Việt Nam	8
3. Vô sản áo nâu và vô sản áo xanh	14
II	18
NHẬN ĐỊNH VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA GIẢI CẤP VÔ SẢN VIỆT NAM	18
1. Chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào phong trào cách mạng Việt Nam như thế nào?	18
2. Giải cấp vô sản thực tế có đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam vào lúc nào và trong những điều kiện nào?	21
III	32
VỊ TRÍ CỦA NÔNG DÂN	32
TRONG CÁCH MẠNG VÔ SẢN VIỆT NAM	32
1. Nông dân với chủ nghĩa đế quốc	33
2. Nông dân với giải cấp địa chủ	35
3. Nông dân với giải cấp tư sản bản xứ và cách mạng tư sản	39

<i>4. Nông dân đối với giai cấp vô sản và cách mạng vô sản</i>	<i>40</i>
<i>5. Nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân Việt Nam</i>	<i>44</i>
IV	46
KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM ĐANG NGÀY CÀNG TRƯỞNG THÀNH	46
BÚT KÝ TỪ BAN BIÊN TẬP	57
<i>1. Thế nào là vô sản hóa?</i>	<i>57</i>
<i>2. Chủ nghĩa tư bản và giai cấp vô sản ở Việt Nam.</i>	<i>58</i>
<i>3. Về vấn đề vô sản hóa</i>	<i>58</i>
<i>A. Vô sản hóa</i>	<i>58</i>
<i>B. Vô sản áo xanh và vô sản áo nâu</i>	<i>59</i>
<i>3. Giai cấp vô sản thực tế có đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam hay không?</i>	<i>60</i>

I

GIAI CẤP VÔ SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO?

Trước khi nói về giai cấp vô sản, chúng ta hãy nói đến nhận định sai lầm về “vô sản hóa” của một số đồng chí ở ngoài Bắc trong những năm 1930, 1931.

1. Thế nào là “vô sản hóa”?

Sau khi “Thanh niên cách mạng đồng chí hội” giải tán, một số trí thức tiểu tư sản phải “vô sản hóa” để đi vào Đảng Cộng sản. Việc một số trí thức tiểu tư sản đi vào nhà máy, hầm mỏ để cùng với những người vô sản giác ngộ, tuyên truyền, vận động cách mạng trong hàng ngũ thợ thuyền là một việc cần thiết lúc bấy giờ. Nhưng đó có phải là hiện tượng “vô sản hóa” trong xã hội Việt Nam không? Nhận định mập mờ trong vấn đề này đã đưa lại nhiều kết quả không hay. Nó làm cho chúng ta không thấy rõ hết những biến chuyển về kinh tế, xã hội ở nước ta trong thời kỳ đó.

Những người tiểu tư sản trí thức xuống hầm mỏ, vào nhà máy để vận động cách mạng vô sản là làm nhiệm vụ của những người cộng sản. Tất nhiên, không phải tất cả những người cộng sản đều là người trong giai cấp vô sản. Có những người đứng vào hàng ngũ vô sản để phụng sự cho giai cấp vô sản. Động cơ của việc

làm này có khi chưa phải do sự biến chuyển trong bản thân giai cấp họ, mà trong nhiều trường hợp là do tri thức cách mạng thúc đẩy.

Coi việc chuyển từ một giai cấp khác sang phụng sự giai cấp vô sản là “vô sản hóa”, tức là đã quan niệm không rõ ràng về đảng và giai cấp, về người cộng sản và người vô sản. Cố nhiên, Đảng Cộng sản là của giai cấp vô sản, người cộng sản là người của giai cấp vô sản, nhưng Đảng không phải là giai cấp vô sản, người cộng sản không phải tất cả đều là người vô sản. Chúng ta không thể lẫn lộn đảng với giai cấp, người cộng sản với người vô sản, thì chúng ta cũng không thể lẫn lộn việc những người giác ngộ cách mạng chuyển sang hàng ngũ vô sản với hiện tượng vô sản hóa trong các giai cấp lao động khác.

Vô sản hóa là một hiện tượng lịch sử, một hiện tượng xã hội phản ánh sự biến chuyển về kết cấu giai cấp có nguồn gốc từ những biến chuyển của tình hình kinh tế.

Đã có chế độ tư bản mọc ra thì có hiện tượng vô sản hóa trong các tầng lớp nhân dân lao động, nhất là trong các tầng lớp nông dân nghèo. Một xã hội, tự bản thân nó tiến từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, có hiện tượng vô sản hóa của nó; một xã hội bị chủ nghĩa tư bản bên ngoài xâm nhập cũng có hiện tượng vô sản hóa của nó. Và trong một hoàn cảnh lịch sử khác, cũng có hiện tượng vô sản hóa, không phải để đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, mà để đi vào con

đường xã hội chủ nghĩa, như trong giai đoạn cách mạng “dân chủ mới” hiện nay”.

Do quan niệm lơ mờ về “vô sản hóa” trong những năm 1930, 1931 cho nên một số đồng chí chúng ta không có ý thức rõ ràng về giai cấp vô sản, về giai cấp nông dân, về bước đường phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nước và cũng do đó, một vài đảng bộ đã có một số chủ trương sai lầm.

Hiện tượng vô sản hóa ở nước ta cũng như ở tất cả các nước khác diễn ra song song với quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản ở trong nước. Vậy ở nước ta, chủ nghĩa tư bản đã phát triển từ lúc nào và phát triển như thế nào?

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam và bước đường vô sản hóa của quần chúng lao động và dân cây Việt Nam

Phần đông trong chúng ta thường nhận định rằng, sau Đại chiến thế giới 1914 – 1918, từ khi đế quốc Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa, thì ở nước ta mới có giai cấp tư sản bản xứ, và hình như đến lúc ấy, trong nước ta mới có chế độ tư bản.

Có phải như thế không?

Sự thật, chế độ tư bản xuất hiện ở Việt Nam từ khi nước Việt Nam bị đế quốc Pháp xâm chiếm. Chế độ

tư bản ra đời ở Việt Nam không phải do sự biến chuyển của bản thân xã hội Việt Nam, mà trước hết là do ở ngoài đưa vào. Đế quốc Pháp đem chế độ tư bản đặt lên đầu nhân dân Việt Nam, đem nước Việt Nam đặt vào hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Mặc dầu chúng cố duy trì chế độ phong kiến trong toàn cõi Việt Nam dưới hình thức này hay hình thức khác, nhưng về thực tế, dân tộc Việt Nam nói chung đã bị chủ nghĩa tư bản áp bức, bóc lột. Đứng về phương diện kinh tế thuần túy mà xét, có thể coi nước Việt Nam như một vùng thôn quê của tư bản Pháp (cố nhiên nó không giống hẳn vùng thôn quê ở ngay tại Pháp gắn với các trung tâm kinh tế của tư bản Pháp). Và từ khi đế quốc Pháp đô hộ Việt Nam, thì tất cả các giai cấp trong nước ta đều phải nằm dưới chế độ tư bản thực dân và biến chuyển theo quá trình phát triển của chế độ ấy.

Trong một nước, chế độ tư bản hình thành như thế nào, thì tình trạng vô sản hóa của các tầng lớp lao động cũng diễn ra gắn liền với quá trình phát triển đó.

Ở nước ta, từ khi bị đế quốc Pháp xâm chiếm đến Đại chiến lần thứ nhất, bọn trùm thực dân Pháp chưa khai thác mạnh thuộc địa và giai cấp tư sản bản xứ chưa hình thành.

Mặc dù vậy, với chính sách bóc lột bằng độc quyền thương mại và chế độ thuế má hà khắc, với chính sách dùng Đông Dương làm căn cứ cho thị trường của Pháp ở Á Đông, thực dân Pháp đã đẩy dân cày Việt Nam vào tình trạng vô sản hóa, một con đường không có

lỗi ra. Chỉ một số rất ít nông dân được vào làm trong một vài cơ sở kinh doanh của tư bản Pháp, còn phần đông bị bản cùng hóa nhưng không có việc làm vì thực dân Pháp không mở mang các ngành kỹ nghệ. Đây là một hình ảnh của con đường vô sản hóa ở Việt Nam.

Nhưng sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đế quốc Pháp xúc tiến mạnh việc khai thác các thuộc địa Đông Dương, tạo ra ở Việt Nam một phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mạnh mẽ hơn, đồng thời làm nảy sinh mầm mống của một giai cấp tư sản bản xứ, thì bước đường vô sản hóa của quần chúng lao động và dân cày Việt Nam như thế nào?

Tư bản Pháp mở mang thêm hầm mỏ, xây dựng đường sắt, lập các đồn điền cao su và phát triển một số ngành kỹ nghệ nhẹ. Chính những sự khai thác ấy đã thúc đẩy bước đường vô sản hóa của dân cày và làm cho họ càng thêm điêu đứng.

Việc mở mang những ngành kỹ nghệ nhẹ như may mặc, dệt, sợi, những kỹ nghệ vật liệu kiến trúc như xi măng, vôi, gạch, ngói, cửa xẻ, phát triển giao thông vận tải, sản xuất phương tiện chuyên chở, v.v., đã thu hút một số nhỏ dân cày nghèo vào nhà máy, biến họ thành vô sản, đồng thời làm phá sản hầu hết các nghề thủ công ở thôn quê, ngay như nghề đan thúng mùng cũng bị hàng bao bố bóp nghẹt. Tình trạng phá sản ấy làm cho nạn thất nghiệp vô hình và kinh niên trong dân cày ngày càng tăng. Dân cày bị đẩy vào hai tình cảnh: một là ngày càng phụ thuộc hẳn vào địa chủ và

tư bản thương nghiệp, hai là biến thành nô lệ cho các chủ đồn điền và hầm mỏ. Giai cấp vô sản ra đời và phát triển song song với sự phá sản của dân cày, do sự mở mang các ngành kinh doanh của tư bản Pháp, do quá trình tập trung ruộng đất vào tay địa chủ và sự xâm nhập của hàng hóa tư bản vào thôn quê.

Để hiểu rõ thêm bước đường vô sản hóa của dân cày Việt Nam, cũng cần nhắc lại rằng trong các nước tư bản chủ nghĩa, các ngành kỹ nghệ nhẹ phát triển trên thị trường rộng lớn cả trong nước và ngoài nước, và kỹ nghệ nhẹ càng phát triển thì kỹ nghệ nặng cũng phát triển theo, do đó, mặc dù thủ công nghiệp ở thôn quê có bị đình đốn, dân cày có bị phá sản thì họ vẫn còn có chỗ làm việc để nuôi sống, còn có đường để trở thành vô sản.

Ở Việt Nam, tình hình có khác. Mặc dù bị đẩy vào tình trạng vô sản hóa, nhưng chỉ có một số rất ít dân cày trở thành nô lệ làm thuê cho tư bản, còn hầu hết không có đường nào để trở thành vô sản.

Nếu không quan niệm rõ bước đường vô sản hóa ấy trong quá trình phát triển của kinh tế tư bản thực dân thì chúng ta không thể hiểu được phong trào chống thuế ở các tỉnh miền Trung năm 1908, cuộc vận động khởi nghĩa của Duy Tân năm 1916 dính với trào lưu cách mạng vô sản như thế nào.

Những phong trào này, mặc dầu chịu ảnh hưởng khuynh hướng dân chủ tư sản của những sĩ phu tiên

bộ như Phan Châu Trinh, hoặc do những nhà yêu nước trong xã hội Phong kiến đề xướng, nhưng quần chúng tham gia đấu tranh không phải vì quyền lợi của các giai cấp lãnh đạo mà chính là nhằm chống lại sự bóc lột của tư bản thực dân. Nghĩa là dân cày Việt Nam trên bước đường vô sản hóa do chế độ bóc lột của tư bản thực dân Pháp gây ra, đã đứng lên chống lại bọn tư bản thực dân. Đây là một hình ảnh nữa của con đường vô sản hóa ở Việt Nam.

Chi đóng khung sự phát triển của kinh tế tư bản ở Việt Nam vào thời gian sau chiến tranh thế giới thứ nhất và gắn liền nó với sự ra đời của những mầm mống tư bản bản xứ rồi căn cứ vào đó để đánh giá phong trào vô sản hoặc những phong trào dân tộc dân chủ có tính chất vô sản thì chúng ta đã một phần nào rơi vào quan niệm của bọn Đệ nhị quốc tế mà Lênin đã từng chống lại kịch liệt. Bọn Đệ nhị quốc tế cho rằng phong trào vô sản chỉ có ở các nước thuộc địa khi giai cấp tư bản bản xứ ra đời, mà không coi phong trào nhân dân các thuộc địa chống tư bản đế quốc nói chung là một bộ phận nằm trong phong trào cách mạng vô sản thế giới, vì chúng không hiểu rõ tình hình dân cày trong các thuộc địa và bước đường vô sản hóa của họ. Chống lại nhận định sai lầm của Đệ nhị quốc tế, Lênin đã có lần lấy phong trào Duy Tân năm 1916 ở Việt Nam để làm dẫn chứng.

Vì không phân tích kỹ quá trình phát triển của kinh tế tư bản ở Việt Nam, cho nên chúng ta không hiểu rõ bước đường vô sản hóa của dân cày và quá trình phát

sinh, phát triển của giai cấp vô sản Việt Nam, cũng như không hiểu rõ bản chất của giai cấp vô sản và phong trào vô sản nói chung (phong trào vô sản là phong trào bao gồm tất cả các giai cấp có dính líu với chế độ tư bản mà đấu tranh chống lại bọn tư bản, theo sự hướng dẫn trực tiếp hay không trực tiếp của giai cấp vô sản); do đó, chúng ta không hiểu rõ tính chất và hình thức dân tộc của phong trào vô sản ở Việt Nam.

Những năm 1930, 1931 một số đồng chí chúng ta đã lẫn lộn hiện tượng vô sản hóa trong xã hội Việt Nam, một hiện tượng đã gây bao đổ nát, đau thương cho người lao động, với quan niệm “vô sản hóa” của một số cán bộ tiểu tư sản, trí thức đi vào hàng ngũ công nhân với bộ áo nâu và thái độ hiên ngang, tự đắc theo kiểu anh hùng cá nhân. Cái quan niệm nông cạn, mơ hồ ấy đã đưa đến những hành động sai lầm.

Trong Hội nghị khoáng đại của Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1930, một số đồng chí lãnh đạo không chịu phục tùng nghị quyết của Trung ương, không triệu tập các đại biểu phân đông là thợ ở Hòn Gai, Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, không chịu bổ sung một số cán bộ vô sản và nông dân vào Xứ ủy. Điều đó không những biểu lộ bệnh ấu trĩ và đầu óc biệt phái tiểu tư sản mà còn chứng tỏ các đồng chí ấy chưa hiểu rõ giai cấp vô sản và dân cày, tưởng rằng đã “vô sản hoá” thì mình có đủ tư cách đại biểu cho vô sản và dân cày rồi.

Chúng tôi sẽ nói rõ thêm về sai lầm này trong một đoạn khác.

3. Vô sản áo nâu và vô sản áo xanh

Cũng vào những năm 1930-1931, một số đồng chí trong Đảng ta có những quan niệm lộn xộn về “vô sản áo nâu” và “vô sản áo xanh”, do đó đã phạm nhiều sai lầm trong công tác thực tiễn. Có tình hình đó chủ yếu là do chúng ta thiếu lý luận về cách mạng vô sản, không cắt nghĩa nổi sự hình thành giai cấp vô sản ở Việt Nam như thế nào.

Trung ương đã phê bình nhận định sai lầm này qua Hội nghị khoáng đại Xứ ủy Bắc Kỳ; nhưng Trung ương chỉ nói rằng ta nên phân biệt thợ chuyên môn hay không chuyên môn (ouvrier qualifié ou non qualifié) chứ Trung ương chưa vạch rõ tại sao có nhận định sai lầm ấy. Cũng vì vậy, một số đồng chí vẫn chưa thấy rõ thực tế và chưa nhận ra khuyết điểm của mình lúc bấy giờ.

Sự thật, vào khoảng thời gian nói trên, trong các cuộc đấu tranh ở nhà máy, khu mỏ, công nhân áo nâu, tức là công nhân mới vào nghề đấu tranh rất hăng, còn phần đông công nhân áo xanh, tức là thợ chuyên môn, thì có phần nào lùng chùng, có khi còn muốn làm trở ngại cho các cuộc đấu tranh ấy.

Vì thế lúc bấy giờ có một số người hoài nghi năng lực cách mạng và vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, của những người thợ chuyên môn, thợ áo xanh, lực lượng cốt yếu trong hàng ngũ vô sản. Sở dĩ có sự hoài nghi đó là vì nhiều đồng chí chúng ta không hiểu rõ lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung trên thế giới và quá trình phát triển của kinh tế tư bản nói riêng trong nước ta.

Đây là một hiện tượng do tình hình kinh tế thay đổi sản sinh ra.

Trong phương thức sản xuất phong kiến (mode de production féodale) sự phân phối quá chênh lệch, bắt công làm cho dân cày nghèo và nông nô chống lại. Từ phương thức sản xuất phong kiến chuyển sang phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự phân phối giữa người có công cụ sản xuất và người không có công cụ sản xuất có thay đổi. Trong thời kỳ đầu khi chủ nghĩa tư bản mới ra đời, cách phân phối có lợi một phần nào cho những người không có công cụ sản xuất, cho nên mức sống của vô sản tương đối khá hơn so với dân cày nghèo và nông nô dưới chế độ phong kiến. Vì vậy, vô sản đã hoan hô cái chế độ bóc lột mình. Chỉ sau một thời gian phát triển nhất định, khi trong phương thức sản xuất phát sinh mâu thuẫn thì những cuộc xung đột giữa người không có công cụ sản xuất và người có công cụ sản xuất, giữa vô sản và tư bản mới trở nên gay gắt.

Ở Việt Nam những hiện tượng này biểu lộ ra một cách khác. Vì Việt Nam là thuộc địa, tư bản ở Việt Nam là tư bản thực dân, cho nên trong quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản, bọn thực dân đã thực hiện ngay từ đầu chính sách bóc lột đối với giai cấp vô sản. Tuy nhiên, bọn tư bản thực dân cũng không cưỡng nổi quy luật khách quan, mà phải phân phối có phần rộng rãi hơn đối với những người thợ chuyên môn, nếu không thì guồng máy của chúng sẽ không chạy được. Vì thế, bên cạnh những người không chuyên môn (vô sản áo nâu) mà mức sinh hoạt chỉ ngang với mức sống thấp của nông dân, một số thợ chuyên môn (vô sản áo xanh) có mức sống tương đối dễ chịu hơn.

Từ mức sinh hoạt của nông dân tương đương với mỗi tháng sáu, bảy đồng, đến mức sinh hoạt của thợ chuyên môn, mỗi tháng bốn, năm chục đồng, ta thấy, với trình độ sản xuất của chủ nghĩa tư bản thực dân, người “vô sản áo xanh” đã có một bước tiến lên về đời sống trong khi đó thu nhập của thợ không chuyên môn lấy mức sinh hoạt của nông dân làm chuẩn thì thấp hơn nhiều.

Trong hoàn cảnh cụ thể ấy, tất nhiên tinh thần đấu tranh của những người thợ không chuyên môn thường là hăng hái, quyết liệt, còn phần đông những người thợ chuyên môn thì lừng chừng hoặc có khi làm cản trở phong trào đấu tranh chống tư bản. Nhưng có phải đã như vậy thì chúng ta cần phân biệt hai hạng vô sản và hoài nghi năng lực cách mạng cũng như vai trò lãnh đạo của những người thợ áo xanh hay không?

Trong công tác thực tế, một sự phân biệt như thế có thể có trong những trường hợp nhất định. Nhưng đứng về phương diện lịch sử để nhận xét giai cấp vô sản ở nước ta mà phân biệt hai hạng vô sản như trên thì thật là sai lầm.

Sự phân phối khác nhau và mức chênh lệch về thu nhập giữa các hạng thợ chỉ là tạm thời. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, bản chất của nó càng bộc lộ, thì tất cả những người vô sản, dù là thợ chuyên môn hay không chuyên môn, đều bị bóc lột nặng nề, đều bị những bệnh tật nguy hại của chế độ tư bản tác động đến. Người thợ chuyên môn, do địa vị của họ trong guồng máy sản xuất, do vốn hiểu biết mà họ được bồi bổ, sẽ giác ngộ giai cấp mau chóng, sẽ nâng cao ý thức chính trị trong cuộc đấu tranh chống chế độ tư bản thực 1. Như vậy sự phân chia vô sản “áo nâu” và vô sản “áo xanh” chứng tỏ nhận thức của chúng ta về giai cấp vô sản, về sự hình thành, phát triển của giai cấp và ý thức giai cấp còn rất mập mờ. Chính điều đó, làm cho không ít đồng chí chúng ta đánh giá không đúng, không đầy đủ năng lực chiến đấu và vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay.

II

NHẬN ĐỊNH VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN VIỆT NAM

1. Chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào phong trào cách mạng Việt Nam như thế nào?

Dự thảo chính cương của Đảng do Trung ương vạch ra năm 1930 nhận định rằng Đảng Cộng sản là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, lãnh đạo giai cấp vô sản và quần chúng lao khổ làm cách mạng.

Một số đồng chí ở Bắc Bộ lúc bấy giờ cho rằng nhận định nói trên là không đúng. Theo các đồng chí ấy, nói Đảng Cộng sản là bộ tham mưu của giai cấp vô sản là chưa đủ; phải nhận Đảng Cộng sản là bộ tham mưu của giai cấp vô sản và của cả quần chúng lao khổ nữa thì mới đầy đủ. Nhận xét ấy chưa được chấn chỉnh lại thì Đảng bộ Bắc Kỳ đã tạm thời bị tan rã.

Ý kiến của một số đồng chí ở Bắc Bộ muốn đưa các tầng lớp lao khổ khác vào lực lượng lãnh đạo cách mạng, đã làm sai lệch nhận thức về vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản. Nhận định đó đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa vô sản và rơi vào một thứ chủ nghĩa bình dân¹. Cố nhiên qua nhận định nêu trong dự thảo

¹ Chủ nghĩa bình dân (populism) theo nghĩa thông thường là một trào lưu tư tưởng hoặc phong trào chính trị mang khuynh hướng tiểu tư sản cho rằng "người dân" là một khối thuần nhất, đạo đức đối lập với giới

chính cương, chúng ta cũng chưa thấy được một cách đầy đủ vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với dân tộc.

Cũng có người cho rằng giai cấp vô sản còn non yếu không đủ sức đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng, cho nên phải thông qua một số tiểu tư sản trí thức đã tiếp thu được học thuyết chủ nghĩa cộng sản từ nước ngoài về đóng vai trò lãnh đạo thay cho giai cấp vô sản trong nước.

Có người lại cho rằng chỉ sau cuộc bạo động Yên Bái thì vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam mới chuyển vào tay giai cấp vô sản.

Tất cả những nhận xét ấy đều có thiên lệch, chẳng những đã xa rời lý thuyết cách mạng vô sản mà rõ ràng còn phản lại sự thật lịch sử.

Muốn nhận xét vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản cụ thể trong nước Việt Nam đúng với tính chất quốc tế và quốc gia của nó, với tính chất giai cấp và dân tộc của nó, chúng ta phải xem xét nó song song với quá trình phát triển của kinh tế tư bản ở Việt Nam và quá trình cách mạng vô sản, cách mạng dân tộc ở Việt Nam.

tinh hoa bị coi là tham nhũng, xa rời quần chúng. Tuy nhiên, trong hệ tư tưởng Mác – Lênin, "chủ nghĩa bình dân" lại mang một nghĩa rất cụ thể và phê phán, nhất là khi nói tới phong trào bình dân chủ nghĩa Nga cuối thế kỷ 19.

Chúng tôi nhận định rằng chủ nghĩa tư bản xuất hiện ở Việt Nam từ khi đế quốc Pháp đặt ách đô hộ lên đất nước ta. Mặc dầu trong nước Việt Nam chưa có giai cấp tư sản bản xứ, mặc dầu hầu hết nền kinh tế Việt Nam còn trong chế độ phong kiến, nhưng một hình thức bóc lột của chủ nghĩa tư bản đã trùm lên toàn bộ nền kinh tế ấy. Vì thế, có thể có một phong trào cách mạng mang tính chất vô sản, chống lại chế độ tư bản thực dân Pháp ở Việt Nam.

Phong trào cách mạng dân tộc ở Việt Nam cũng có thể có tính chất vô sản trong bước đường vô sản hóa của dân cày nói chung, mặc dầu vào thời đó chỉ một bộ phận rất nhỏ dân cày hóa thành vô sản, còn đại bộ phận vẫn gắn với nền kinh tế phong kiến dưới chế độ tư bản thực dân Pháp, và mặc dầu ở Việt Nam thời đó vẫn chưa có giai cấp tư sản bản xứ. Chế độ tư bản đã do nước ngoài đưa vào thì chủ nghĩa cộng sản cũng có thể từ ở ngoài truyền vào.

Và đây là những chứng cứ lịch sử.

Lịch sử đã khẳng định người lãnh đạo chân chính của cách mạng dân tộc ở Việt Nam là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920. Trong thời gian ấy, ở Việt Nam giai cấp tư sản bản xứ chưa hình thành. Song mọi người chúng ta đều nhận rằng đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia phong trào cách mạng vô sản Pháp không phải chỉ đứng về phương diện cách mạng quốc tế mà thực sự còn đứng về phương diện cách mạng dân tộc Việt Nam. Và tất

nhiên chúng ta không thể tách lãnh tụ ra khỏi dân tộc, ra khỏi giai cấp, ra khỏi phong trào cách mạng Việt Nam nói chung. Như vậy, chúng ta có thể nào phủ nhận được việc chủ nghĩa cộng sản xâm nhập vào phong trào cách mạng Việt Nam trước khi giai cấp tư sản bản xứ hình thành hay không?

Chúng ta phải nói rằng chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào thuộc địa là một hiện tượng quốc tế vì chủ nghĩa tư bản xâm nhập vào thuộc địa cũng là một hiện tượng quốc tế. Coi nhẹ phương diện quốc tế của phong trào cách mạng vô sản ở thuộc địa là một sự lầm lẫn chẳng những về mặt lịch sử mà cả về mặt lý luận và thực tiễn nữa.

Tất nhiên, khi nói như vậy chúng ta cũng đã thừa nhận rằng, xét về phương diện dân tộc, bản thân cuộc cách mạng Việt Nam đã có cơ sở cho chủ nghĩa cộng sản phát triển vì chính nước ta bị áp đặt phải mang lấy cái chế độ tư bản thực dân.

Đó là một đặc điểm của phong trào vô sản ở thuộc địa.

2. Giai cấp vô sản thực tế có đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam vào lúc nào và trong những điều kiện nào?

Trong chúng ta thường có một lập luận, một ý kiến trừu tượng và phần nào máy móc cho rằng sự lãnh đạo cách mạng đã chuyển từ tay giai cấp phong kiến qua tay giai cấp tư sản, và từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản. Nhưng thực tế lịch sử không phải như vậy.

Đành rằng vai trò của giai cấp phong kiến đã hạ màn cùng với thất bại của cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916. Song Duy Tân không phải là người lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng dân tộc thời bấy giờ. Bởi vì từ năm 1908 phong trào chống thuế đã lôi cuốn hàng chục vạn nông dân theo sự lãnh đạo của những người có tư tưởng dân quyền. Và trong khi những sĩ phu yêu nước như cụ

Phan Châu Trinh muốn hướng phong trào cách mạng dân tộc vào con đường cải lương tư sản, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có xu hướng đưa sự nghiệp cứu nước vào con đường cách mạng xã hội.

Như vậy, nói đến vai trò lãnh đạo cách mạng nước ta, tuyệt nhiên ta không thấy có sự chuyển tiếp từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản.

Cũng không ít người thường cho rằng, chỉ đến sau cuộc bạo động Yên Bái, thì ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam mới chuyển từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản. Nhận định như vậy chẳng những không đúng mà còn trái hẳn với diễn biến của lịch sử. Sự thật là từ năm 1920, từ nước ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nêu cao ngọn cờ vô sản cho sự nghiệp cứu nước của dân tộc Việt Nam. Nhìn vào tình hình cụ thể của phong trào cách mạng trong nước, chúng ta thấy từ những năm 1924, 1925 song song với những cuộc vận động mang màu sắc tư bản, đã có một phong trào dân tộc dân chủ có tính chất xã hội chủ

nghĩa do giai cấp vô sản lãnh đạo. Và trên thực tế, phong trào do vô sản lãnh đạo đã mạnh hơn nhiều. Nếu Việt Nam Quốc dân đảng chỉ có tổ chức ở Bắc Bộ và một ít ở Nam Bộ thì phong trào vô sản đã có tổ chức rộng khắp toàn quốc. Cuộc bạo động Yên Bái chỉ nổ ra trong mấy huyện, còn phong trào đấu tranh của vô sản thì lan rộng khắp Bắc, Trung, Nam. Không thể căn cứ vào cuộc bạo động Yên Bái để nói rằng phong trào tư sản cao hơn phong trào vô sản; trái lại chính cuộc bạo động Yên Bái đã chứng tỏ sự yếu kém của phong trào tư sản chẳng những về lượng mà cả về chất.

Cuộc bạo động Yên Bái chứng tỏ rằng đa số dân cày không đi theo giai cấp tư sản mà hướng theo ngọn cờ của giai cấp vô sản.

Qua thất bại của cuộc bạo động Yên Bái, người ta càng thấy rõ sự lãnh đạo của giai cấp vô sản Việt Nam được đào luyện trong phong trào vô sản quốc tế đã tỏ ra già

dạn hơn nhiều so với sự lãnh đạo của giai cấp tư sản. Thật vậy, nếu thiếu sự lãnh đạo già dặn của giai cấp vô sản trong lúc ấy, thì số dân cày tham gia cuộc mạnh động đó sẽ nhiều hơn và thiệt hại sẽ lớn hơn.

Sự thật lịch sử là như vậy, tại sao chúng ta lại nhận rằng chỉ sau cuộc bạo động Yên Bái thì ngọn cờ lãnh đạo cách mạng mới chuyển từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản.

Điều ta có thể khẳng định là sau cuộc bạo động Yên Bái, giai cấp vô sản trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc đã nằm trọn vẹn trong tay giai cấp vô sản.

Sự thật, cuộc bạo động Yên Bái chỉ biểu lộ sự hoài vọng và sự bất lực của một số người sản xuất tiểu công nghệ và nông dân muốn đưa nền kinh tế tư bản bản xứ mới ló mầm ở một vài nơi thoát khỏi sự kìm hãm của chế độ thực dân phong kiến.

Nó là sự bột phát của tinh thần dân tộc trong một số tiểu tư sản trí thức và nông dân không tìm thấy lối ra trước sự thúc đẩy của phong trào cách mạng thế giới và một phong trào cách mạng mạnh mẽ, sâu rộng hơn của vô sản trong nước.

Nhưng tại sao giai cấp vô sản xác lập được vai trò lãnh đạo của mình trong phạm vi rộng lớn, trong lúc đại biểu của giai cấp tư sản đứng lên với một ngọn cờ yếu ớt để rồi xếp lại luôn, không gượng dậy được nữa.

Đây là một đặc điểm của phong trào cách mạng vô sản ở Việt Nam.

Từ khi nước Việt Nam ta bị đế quốc Pháp đô hộ, giai cấp phong kiến ngu muội, ngoan cố, vì quyền lợi ích kỷ của giai cấp, không gây được một phong trào cải cách nào. Sau vài phen vùng vẫy của một số sĩ phu yêu nước, sau thất bại của vua Duy Tân, vai trò lãnh

đạo của giai cấp phong kiến đối với cách mạng giải phóng dân tộc đã kết thúc; đồng thời hàng ngũ sĩ phu có sự phân hóa, kẻ thì chuyển qua xu hướng tư sản, người thì đi theo con đường vô sản.

Việc mở rộng khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất đã tạo ra một giai cấp tư sản bản xứ hèn yếu, nhưng đồng thời đã làm cho hàng ngũ giai cấp vô sản thêm đông và mạnh.

Khai thác Đông Dương, tư bản Pháp nắm lấy những then chốt của nền kinh tế, nắm độc quyền nhà băng, độc quyền phát hành ngân phiếu, độc quyền ngoại thương, độc quyền giao thông vận tải trong nước, nắm những ngành sản xuất chính, những nguồn lợi chủ yếu như cao su, than đá. Đến những ngành kỹ nghệ nhẹ như kéo sợi, dệt vải và những ngành sản xuất vật liệu sản xuất như: xi măng, gạch, ngói, vôi, gỗ... hầu hết cũng nằm trong tay tư bản Pháp. Các nhà tư bản bản xứ, phần lớn từ các tầng lớp địa chủ chuyển thành, chỉ nắm vụn vặt vài ngành kinh tế thương mại phụ thuộc, không một hội buôn, một hội kinh doanh nào có đủ vốn để có thể chống chọi, cạnh tranh với tư bản Pháp, dầu dưới hình thức thấp.

Không những thực dân Pháp vì muốn buộc nền kinh tế các nước Đông Dương phụ thuộc hẳn vào nền kinh tế Pháp, cho nên không nghĩ đến mở mang kỹ nghệ nặng mà cả đến kỹ nghệ nhẹ chúng cũng không phát triển.

Ở Việt Nam, công nghiệp không phát triển, kinh tế bị đình đốn còn do mấy nguyên nhân sau đây:

1. Thực dân Pháp phải duy trì chế độ phong kiến để dễ bề cai trị, và những tàn tích phong kiến đã cản trở sự phát triển của kinh tế.
2. Sự áp bức, bóc lột của đế quốc hết sức gắt gao làm cho mức sống của dân chúng ngày càng sụt, sức tiêu thụ ngày càng kém.
3. Thực dân Pháp nắm độc quyền thị trường để tiêu thụ hàng hóa của Pháp, đồng thời có sự cạnh tranh của hàng hóa các nước khác như vải bố của Ấn Độ, Hồng Kông, v.v..
4. Chế độ tiền tệ, cho vay nặng lãi của nhà băng Đông Dương, của Địa ốc ngân hàng, cuộc đại khủng hoảng của kinh tế đế quốc sau Đại chiến lần thứ nhất làm cho nông nghiệp phải phá sản.

Chính sách kinh tế và âm mưu chính trị của thực dân Pháp đã hạn chế quá trình tích lũy tư bản của giai cấp tư sản bản xứ, khiến cho họ không có vốn để mở mang một vài ngành quan trọng về thương mại hay kỹ nghệ. Tình hình kinh tế nói trên làm cho tình hình chính trị xã hội ở Việt Nam có những đặc điểm đáng chú ý.

Giai cấp tư sản Việt Nam không đủ sức đóng vai trò như giai cấp tư sản Trung Hoa, Ấn Độ. Do không có

lực lượng kinh tế và hoạt động chính trị độc lập, giai cấp tư sản Việt Nam cũng như giai cấp địa chủ chỉ có cái tư cách, cái năng lực làm công, làm tay sai cho tư bản Pháp, để giữ địa vị ưu thế của mình đối với đồng bào trong nước. Vì vậy, tinh thần chống Pháp của một số tư sản, địa chủ Việt Nam chỉ là muốn thoát cái cảnh làm đầy tớ cho Pháp để chịu ách thống trị của một đế quốc khác mà thôi.

Vì thiếu cơ sở xã hội dựa trên nền tảng kinh tế tư bản, cuộc cách mạng dân tộc có tính chất tư sản do các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức lãnh đạo chỉ là sự manh động phát lên một cách bùng bột, nhất thời, theo bản chất tiểu tư sản, rồi chấm dứt với cuộc bạo động Yên Bái để tìm đường thỏa hiệp với thực dân Pháp. Kết cuộc, các tầng lớp ấy chỉ còn thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc bằng mấy bài thơ, mấy áng văn hay bằng một vài tiểu thuyết, một vài tờ báo mang màu sắc cải lương tư sản.

Nếu kinh tế Việt Nam đã đẻ ra một giai cấp tư sản yếu ớt, thì trái lại nó đồng thời tạo nên một giai cấp vô sản tương đối đông và mạnh. Bởi vì giai cấp vô sản không phải ra đời từ khi có giai cấp tư sản bản xứ mà nó đã hình thành và phát triển cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Sự phá sản của nông nghiệp và tiểu công nghiệp đã đưa đến các thành thị, hầm mỏ, đến các đồn điền cao su, cà phê, lúa của thực dân Pháp hàng vạn vô sản.

Sự phát triển tương đối mau chóng của giai cấp vô sản song song với tình trạng bần cùng hóa của các tầng lớp nông dân, sự đoàn kết tự nhiên của các tầng lớp này với giai cấp vô sản làm cho lực lượng vô sản trở nên rất hùng hậu.

Trước tình trạng ươn hèn phụ thuộc của giai cấp tư sản và tính bùng bột nhất thời dễ đi đến thỏa hiệp, đầu hàng của các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, giai cấp vô sản Việt Nam, một giai cấp bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ, càng nhận rõ vai trò quan trọng của mình là phải gánh vác sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và để tự giải phóng. Trong khi đó, ở Trung Quốc, nước láng giềng có nhiều ảnh hưởng về văn hóa đối với nước ta, giai cấp tư sản đã vứt bỏ ngọn cờ dân tộc; ở Liên Xô, cách mạng vô sản đã thành công trên 1/6 địa cầu; thế giới tư bản chủ nghĩa bị sụp đổ một mảng lớn và đang rung chuyển trong bão táp cách mạng. Bối cảnh quốc tế ấy làm nổi bật thêm vai trò lịch sử hiển nhiên của giai cấp vô sản Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng các giai cấp bị áp bức.

Dưới chế độ thực dân Pháp, tình cảnh dân cày Việt Nam ngày càng bần cùng, điêu đứng trong khi giai cấp tư sản bản xứ tỏ ra yếu hèn, bất lực, trái lại, cách mạng vô sản thành công ở nước Nga đã giải phóng dân cày khỏi ách chuyên chế của tư sản và địa chủ. Tình hình đó làm cho dân cày Việt Nam thấy rõ phải đi hẳn vào con đường cách mạng của giai cấp vô sản.

Quyền lợi của giai cấp vô sản Việt Nam gắn liền với quyền lợi của đa số nhân dân lao động trong nước và công cuộc giải phóng dân tộc. Phong trào vô sản nước ta còn là một bộ phận của phong trào vô sản quốc tế. Với vị trí chính trị ở trong nước và trên thế giới như thế, giai cấp vô sản Việt Nam có điều kiện để vũ trang cho mình lý luận tiên phong về cách mạng giải phóng dân tộc và tự xây dựng thành một đội tiên phong có đủ tinh thần và lực lượng để chiến thắng đế quốc và phong kiến, giải phóng cho dân tộc, cho giai cấp, giành lại độc lập cho Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam mới.

Vì vậy, giai cấp vô sản chẳng những có khả năng đoàn kết đại bộ phận tầng lớp cần lao chung quanh mình mà còn có thể lôi cuốn các phần tử tiểu tư sản, các nhà trí thức đến cả các nhân sĩ dân chủ, yêu nước đi theo con đường cách mạng vô sản.

Trong khoảng 15 năm (từ 1916 đến 1923, 1924, và từ 1924, 1925 đến 1930, 1931) cách mạng Việt Nam đã biến chuyển dồn dập². Xuất phát từ sự phát triển nhảy vọt đó và vận dụng lý luận tiên phong của giai cấp mình, những người lãnh đạo phong trào vô sản chẳng những đã vạch được một lập trường giải phóng dân tộc mang đầy đủ tính khoa học, tính thời đại, mà còn thu hút vào hàng ngũ của mình những phần tử cách

² Sự tiến bộ và lớn mạnh dần của khuynh hướng vô sản đã đẩy đến đỉnh cao trào kháng chiến 1930 – 1931: Xô Viết Nghệ-Tĩnh hay Nghệ-Tĩnh Đỏ.

mạng ưu tú, đại diện đầy đủ ý nguyện của các tầng lớp nhân dân và tiêu biểu đầy đủ hình ảnh của cả dân tộc.

Do những đặc điểm nói trên, giai cấp vô sản Việt Nam đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc ở nước mình đến thắng lợi.

Nhìn chung cả thế giới, chúng ta thấy cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo đã thành công ở ba loại nước khác nhau:

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã nổ ra và thắng lợi lần đầu tiên trên thế giới ở một nước tư bản đế quốc mà tàn tích phong kiến còn nặng. Đó là Liên Xô.

- Cách mạng vô sản đã thắng lợi ở một nước bán thuộc địa bằng một cuộc chiến đấu vũ trang lâu dài đập tan các thế lực đế quốc, chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến. Đó là Trung Quốc.

- Và lần đầu cách mạng ở một nước thuộc địa giành được thắng lợi: nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay bọn đế quốc, tiếp đó anh dũng kháng chiến để chiến thắng hoàn toàn bọn thực dân xâm lược và bè lũ tay sai. Đó là Việt Nam.

Không hiểu rõ những đặc điểm của cách mạng Việt Nam, nhận xét giai cấp vô sản Việt Nam tách rời phong trào cách mạng vô sản thế giới, tách rời tình hình cụ thể về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và quá trình chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc qua các thời kỳ, thì chúng ta sẽ không đánh

giá một cách đầy đủ vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với cách mạng Việt Nam.

III

VỊ TRÍ CỦA NÔNG DÂN

TRONG CÁCH MẠNG VÔ SẢN VIỆT NAM

Trong Chính cương của Đảng ta năm 1930, Đảng đã đặt rõ vị trí của nông dân. "Cuộc cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng phản đế và điền địa; không giải quyết được ruộng đất cho dân cày thì không kêu gọi được dân cày chống đế quốc Pháp; trái lại không chống được đế quốc Pháp thì không giải quyết được ruộng đất cho dân cày".

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, chủ trương của Đảng đối với nông dân là đòi các quyền tự do dân chủ chung, đòi cải thiện đời sống, giảm tô, giảm tức, giảm thuế và cải lương hương chính.

Trong thời kỳ 1939-1940, khi Mặt trận dân chủ đổi thành Mặt trận dân tộc phản đế thì chủ trương của Đảng đối với nông dân có thay đổi. Đảng chủ trương giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân.

Từ khi cướp chính quyền và trong cuộc kháng chiến hiện nay, ngoài việc giảm tô, giảm tức, và bắt đầu chia ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân, Đảng còn chủ trương vận động tăng gia sản xuất,

lập tín dụng, lập hợp tác xã sản xuất để cải thiện đời sống của nông dân.

Về mặt chính quyền, theo thuyết chuyên chính công nông, chúng ta chủ trương rõ ràng phải dựa trên cơ sở liên minh công nông mà xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân.

Chủ trương của Đảng ta đối với nông dân qua các thời kỳ từ trước tới nay về đại thể là như vậy. Chúng ta hãy kiểm điểm xem các chủ trương ấy sai đúng như thế nào. Để làm việc đó, cần phân tích vấn đề nông dân về mấy phương diện sau đây:

- Nông dân với chủ nghĩa đế quốc.
- Nông dân với giai cấp địa chủ.
- Nông dân với giai cấp tư sản bản xứ và cách mạng tư sản.
- Nông dân với giai cấp vô sản và cách mạng vô sản.
- Nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

1. Nông dân với chủ nghĩa đế quốc

Chủ trương của Đảng ta trong những năm 1930, 1931 chỉ rõ: không chia ruộng đất cho nông dân thì không kéo được nông dân đánh đổ đế quốc; không đánh đổ được đế quốc thì không thi hành được việc cấp đất cho nông dân. Nghĩa là muốn đánh đổ địa chủ, nông dân phải đánh đổ đế quốc, và muốn đánh đổ đế quốc phải đánh đổ địa chủ để lôi kéo nông dân. Nếu như vậy là

có phần nào chúng ta chưa thấy rõ sự áp bức, bóc lột của đế quốc đối với nông dân; chúng ta coi nông dân không bị đế quốc trực tiếp áp bức, bóc lột và kẻ thù trực tiếp của nông dân không phải là chủ nghĩa đế quốc mà chỉ là giai cấp địa chủ.

Mặc dù sống trong phong trào nông dân đấu tranh chống đế quốc, đấu tranh quyết liệt đến mức bạo động giành chính quyền, nhưng chúng ta chưa thấy hết mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc. Hiện nay, chúng ta phát động nông dân chống sưu cao thuế nặng là một việc do thực tế bắt buộc. Nhưng với cách lý luận có phần trừu tượng và máy móc: "nông dân chống địa chủ, vô sản chống tư bản đế quốc", chúng ta chưa thật hiểu rõ vấn đề nông dân dưới chủ nghĩa tư bản đế quốc nói chung trên thế giới và nói riêng ở nước ta.

"Vấn đề dân tộc căn bản là vấn đề nông dân". Có hiểu thực chất của cách mạng thuộc địa trên cơ sở luận điểm đó thì mới hiểu hết vấn đề nông dân, ngược lại có hiểu rõ vấn đề nông dân thì mới hiểu đầy đủ nội dung, tính chất của cách mạng giải phóng dân tộc.

Nước ta là một thuộc địa. Đại bộ phận nhân dân ta là nông dân (hơn 90%), thực dân Pháp áp bức, bóc lột nước ta trước hết và chủ yếu là áp bức, bóc lột nông dân. Quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản thực dân ở nước ta là quá trình áp bức, bóc lột hết sức tàn nhẫn, nặng nề đối với nông dân bằng bộ máy cai trị trực tiếp của bọn đế quốc đồng thời thông qua một bọn tay sai phản động chuyên đè đầu cưỡi cổ những người lao

động. Trong guồng máy của chế độ tư bản thực dân, nông dân bị đẩy vào con đường bán cùng hóa, vô sản hóa, sống cơ cực tối tăm, không có đường ra. Chủ nghĩa đế quốc không chỉ là kẻ thù của giai cấp vô sản mà còn là kẻ thù của nông dân. Do không hiểu thực tế đó, không nhận rõ quá trình đó, chúng ta đã không thấy hết năng lực cách mạng của nông dân và nhiệm vụ lịch sử của họ trong cuộc đấu tranh chống bọn thực dân cướp nước. Mặc dù đã trải qua cuộc bạo động Yên Bái, qua các cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc kháng chiến thần thánh hiện nay, chúng ta vẫn chưa đánh giá đúng nông dân, chưa hiểu một cách đầy đủ năng lực và vai trò của nông dân trong cách mạng giải phóng dân tộc.

2. Nông dân với giai cấp địa chủ

Có mối quan hệ giữa nông dân với giai cấp địa chủ về ruộng đất, địa tô là do kết cấu của nền kinh tế phong kiến. Chừng nào nền kinh tế phong kiến còn thì quan hệ bóc lột ấy vẫn còn.

Nhưng trong một nước thuộc địa, dưới sự áp bức của tư bản thực dân, mối quan hệ giữa nông dân và giai cấp địa chủ cũng tùy theo chính sách của chủ nghĩa đế quốc mà biến chuyển. Ở Việt Nam, mối quan hệ ấy đã biến chuyển cụ thể như thế nào?

Với chế độ sưu cao thuế nặng, với chế độ độc quyền thương nghiệp và chế độ tiền tệ ăn cướp..., bọn tư bản

để quốc ra tay bóc lột nông dân, làm cho họ bị phá sản liên miên, hầu hết đất ruộng của họ tập trung vào giai cấp địa chủ. Một mặt khác, đế quốc Pháp cần dựa vào phong kiến địa chủ để đàn áp, thống trị nhân dân, cho nên chúng giúp cho giai cấp địa chủ cướp không đất đai của nông dân. Tình hình này diễn ra một cách khốc liệt ở Nam Bộ. Đất ruộng tập trung càng mạnh, các nghề thủ công của nông dân càng bị phá sản, nông dân càng phụ thuộc vào hàng hóa nhập cảng, thì họ càng bị trói buộc vào giai cấp địa chủ.

Lợi ích kinh tế của giai cấp địa chủ và của bọn tư bản thực dân (tư bản công nghiệp cũng như tư bản thương nghiệp) đã gắn chặt với nhau. Việc bọn lập hiến Nguyễn Phan Long đề nghị Pháp thả tay đàn áp phong trào nông dân Nghệ An là điều không lấy gì làm lạ. Nhưng nếu có một số địa chủ như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Văn Khá ở Nam Bộ, một số đại diện cho giai cấp phong kiến hay tư sản ở Bắc Bộ như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh hoặc bọn vua quan ở Trung Bộ, được Pháp mua chuộc, tỏ ra tận tụy phục vụ cho quan thầy đế quốc, thì cũng có một số địa chủ khác không được hưởng đặc quyền đặc lợi, muốn chống lại thực dân Pháp như bọn cầm đầu đạo Cao đài ở Nam Bộ đã dùng một hình thức phản đế theo cung cách phong kiến và mang màu sắc thần bí để mê hoặc lôi kéo nông dân, và nông dân ở một số vùng đi với họ để mong chống lại đế quốc Pháp.

Mặt khác, tuy lợi ích của thực dân Pháp và giai cấp địa chủ Việt Nam đã dính chặt nhau, nhưng giữa

chúng với nhau vẫn có mâu thuẫn. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1930 - 1931, thực dân Pháp nắm độc quyền xuất cảng và bắt đồng bạc Đông Dương phụ thuộc vào đồng phorăng trong lúc đồng phorăng đang mất giá, đã làm cho một số đất đai của địa chủ lọt vào tay Địa ốc ngân hàng. Vì vậy, một số địa chủ đã toan chống lại thực dân Pháp, như trường hợp cuộc biểu tình của bọn lập hiến chống Ngân hàng Đông Dương. Song song với sự phát triển của nền kinh tế tư bản Pháp ở Việt Nam, một bộ phận giai cấp địa chủ đã chuyển thành tư sản. Tình hình đó cũng làm cho mối quan hệ giữa giai cấp địa chủ với bọn đế quốc có thay đổi, và do đó làm thay đổi cả mối quan hệ giữa nông dân với giai cấp địa chủ trong phong trào chống Pháp. Việc bọn Trịnh Hưng Ngẫu và một số con cái địa chủ tư sản hóa ở Nam Bộ (nhóm Văn Lang), một số địa chủ ở Trung Bộ tham gia phong trào Đông Dương đại hội và các hoạt động khác do Mặt trận dân chủ đề xướng là một chứng cứ về sự thay đổi đó.

Như vậy là, trong giai cấp nông dân, trong giai cấp địa chủ, trong quan hệ giữa nông dân với địa chủ, giữa nông dân với đế quốc, giữa giai cấp địa chủ với chủ nghĩa đế quốc đã có những biến chuyển. Không thấy rõ tình hình ấy thì chúng ta không thể có chủ trương đúng đối với vấn đề nông dân. Nông dân chống cả chủ nghĩa đế quốc và giai cấp địa chủ nhưng chống như thế nào? Nông dân chống giai cấp địa chủ trong những thời kỳ khác nhau như thế nào? Và nông dân phải cùng với một bộ phận của giai cấp địa chủ chống chủ nghĩa đế quốc như thế nào?... Rõ ràng Đảng ta phải có

cái nhìn toàn diện đối với cả một giai đoạn cách mạng, lại phải phân tích cụ thể sự biến chuyển của tình hình cụ thể trong mỗi hoàn cảnh, mỗi thời kỳ thì mới có thể đề ra được những chủ trương đúng đắn, những sách lược khôn khéo về những vấn đề ấy.

Trong khoảng 1930, 1931 khi đề ra chủ trương đối với nông dân chúng ta chỉ thấy quan hệ giữa nông dân với địa chủ mà không thấy quan hệ giữa nông dân với đế quốc. Chúng ta cũng không thấy rõ mối quan hệ về kinh tế giữa giai cấp địa chủ và chủ nghĩa đế quốc, cũng như không thấy rõ mối quan hệ về chính trị, văn hóa giữa nông dân với giai cấp địa chủ, hay nói đúng hơn, với một bộ phận của giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, chúng ta chỉ thấy nông dân cần đi chung với một bộ phận của giai cấp địa chủ để chống chủ nghĩa đế quốc, mà coi nhẹ mâu thuẫn giữa nông dân với giai cấp địa chủ nói chung, coi nhẹ sự câu kết giữa chủ nghĩa đế quốc với giai cấp địa chủ. Thất bại của chúng ta trong cuộc bầu cử "Hội đồng quản hạt" ở Nam Bộ một phần là do chính sách sai lầm của chúng ta đối với địa chủ.

Sở dĩ có những khuyết điểm ấy là do chúng ta không nhận thấy cụ thể tình hình phát triển của nền kinh tế tư bản thực dân ở nước ta đã ảnh hưởng đến giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ như thế nào? và do đó không nhận thấy mối quan hệ giữa nông dân với địa chủ đã biến chuyển ra sao.

3. Nông dân với giai cấp tư sản bản xứ và cách mạng tư sản

Trong một nước như nước ta, giai cấp tư sản bản xứ mới hình thành, rất yếu ớt, bất lực, thì thái độ của nông dân đối với cách mạng tư sản như thế nào và có gì khác với thái độ của nông dân trong một nước ở đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển?

Trước hết, cần nhắc lại rằng, với quan điểm phản động, bọn cơ hội trong Quốc tế thứ hai, bọn mensêvích ở Nga và bọn torótkít không thể hiểu nổi vấn đề nông dân. Trong lịch sử, chúng ta thấy nông dân đã từng đi theo giai cấp tư sản để chống phong kiến trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang đi lên. Nhưng trong thời kỳ của chủ nghĩa tư bản đi xuống, thời kỳ tư bản lũng đoạn, thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, nông dân đã có kinh nghiệm bản thân đối với giai cấp tư sản, do đó thái độ của họ đã thay đổi.

Đó là nói chung, còn trong các nước thuộc địa thì tình hình có những điểm khác. Ở Việt Nam ta, giai cấp tư sản bản xứ mới hình thành và bị thực dân Pháp chèn ép; nó không có lực lượng kinh tế đáng kể cho nên nó không thể đương đầu và chống lại bọn đế quốc. Nó lại ra đời giữa lúc chủ nghĩa tư bản thế giới đang đi vào con đường khủng hoảng, giãy chết, và đã bị thủ tiêu trên 1/6 địa cầu. Hoàn cảnh lịch sử ấy làm cho giai cấp tư sản Việt Nam vốn lừng chừng lại càng thêm

lùng chừng, dễ đi đến đầu hàng đế quốc, và trong nhiều trường hợp nó đã thành lực lượng phản động, chống lại không những phong trào dân chủ của nông dân mà chống cả cách mạng giải phóng dân tộc. Ở Việt Nam không có những nhân vật kiểu Tôn Văn, Nêru, không chỉ vì cách mạng Việt Nam có những nét đặc sắc dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản mà còn vì tình trạng yếu kém và bạc nhược của giai cấp tư sản dân tộc nữa. Chính vì thế phần lớn nông dân đã xa lánh giai cấp tư sản dân tộc, và với cao trào Nghệ An đỏ, với khởi nghĩa Nam Kỳ cũng như tất cả những phong trào từ đó về sau do vô sản đề xướng và lãnh đạo, nông dân đã ngã hẳn theo ngọn cờ của giai cấp vô sản.

Tuy nhiên, có một bộ phận nhỏ nông dân đã đi theo Việt Nam Quốc dân đảng vì bị nhiễm ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng tư sản; một bộ phận khác đã theo Cao đài vì bị mê hoặc bởi tư tưởng anh hùng thần bí. Thiếu sót của chúng ta là không làm cho nông dân hiểu bản chất của những phong trào ấy và chưa đề ra được những chủ trương nhằm lôi kéo nông dân một số vùng ra khỏi ảnh hưởng của Quốc dân đảng và Cao đài, thu hút họ đi hẳn vào phong trào cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

4. Nông dân đối với giai cấp vô sản và cách mạng vô sản

Sau khi thế giới đã chia thành hai hệ thống, hệ thống đế quốc chủ nghĩa và hệ thống xã hội chủ nghĩa, thì lực lượng so sánh trên thế giới và trong mỗi nước đã có sự thay đổi có lợi cho cách mạng. Trong sự sắp xếp lực lượng giai cấp, vấn đề nông dân trở thành vấn đề đặc biệt quan trọng bởi vì có những biến chuyển rất mới trong quan hệ giữa nông dân với các giai cấp khác, nhất là giữa nông dân với vô sản cũng như giữa nông dân với tư sản. Do đó, phải có sự thay đổi trong đề cương về cách mạng vô sản thế giới nói chung cho phù hợp với tình hình đó.

Ở Việt Nam ta, những biến chuyển như vậy cũng đã diễn ra. Nông dân Việt Nam, dưới ách áp bức, bóc lột của đế quốc thực dân, của địa chủ phong kiến và tư sản trong nước, đã bị phá sản liên tiếp và đi vào con đường nghèo đói, con đường vô sản hóa, không có lối ra. Trong khi ấy, được thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga⁶ thức tỉnh, họ biết rằng ở nước Nga nông dân đã được cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng và đang xây dựng cuộc sống ấm no. Không những thế, thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga đã chứng minh một đường lối cách mạng đúng đắn, một chiến lược, chiến thuật có hiệu lực làm cho nông dân Việt Nam càng tin vào năng lực cách mạng của mình, vào thắng lợi chắc chắn của cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do đó, họ càng dứt khoát đi hẳn vào con đường cách mạng vô sản.

Một trong những nhân tố đưa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đến thành công, đồng thời bảo đảm cho sự nghiệp giải phóng của nhân dân ta hiện nay vững bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn là việc thực hiện liên minh công nông, là việc giai cấp nông dân đi vào con đường cách mạng vô sản. Và tình hình này chỉ có thể có được sau khi cách mạng vô sản Nga thành công, sau khi thế giới đã chia thành hai hệ thống.

Trước đây, khi Đảng ta mới thành lập, trong những năm 1930, 1931, vận động nông dân, chúng ta tuyên truyền rất nhiều về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về Liên Xô. Nhưng trong những năm kháng chiến, trong công tác vận động nông dân, khi nói về cách mạng dân chủ mới, chúng ta ít đề cập đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây không phải là một thiếu sót nhỏ. Giữa lúc chủ nghĩa đế quốc đã và đang xâm lược, nô dịch các dân tộc, chủ nghĩa xã hội đã và đang giúp đỡ nhân dân các nước bị áp bức đấu tranh để tự giải phóng, thì chúng ta càng phải tuyên truyền về chủ nghĩa xã hội để làm cho nông dân gắn bó chặt chẽ hơn nữa với giai cấp công nhân và càng tin vào con đường tiến lên của họ dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân. Tinh thần cách mạng của nông dân không chỉ gắn liền với ruộng đất, với đời sống hằng ngày của họ, mà còn gắn bó một cách sâu sắc với tình cảm quê hương đất nước, với nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc. Ở nông dân, quyền lợi giai cấp và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau. Chính tinh thần cách mạng mạnh mẽ và tình cảm dân tộc sâu sắc ấy đã làm cho nông dân ta

tự nguyện thừa nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Chủ trương của giai cấp công nhân Việt Nam đưa dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng tức là lôi cuốn nông dân đi vào con đường cách mạng vô sản. Nông dân Việt Nam hướng về chủ nghĩa xã hội là biểu thị thái độ của họ đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Không đánh giá đầy đủ phương diện này trong ý thức cách mạng của nông dân, thì không những chúng ta không thấy hết sự thật lịch sử, mà chúng ta cũng không nhận thức rõ nội dung của cách mạng dân chủ mới.

Nếu chúng ta hiểu rằng vì ý thức dân tộc mà có một bộ phận nông dân đi lạc đường theo bọn địa chủ trong Cao đài hoặc theo những phân tử có xu hướng thân Nhật trong thời kỳ phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương thì chúng ta càng thấy rõ khuyết điểm là đã không biết từ giáo dục chủ nghĩa yêu nước mà tuyên truyền cho nông dân về chủ nghĩa xã hội, làm cho họ giác ngộ và hướng theo con đường xã hội chủ nghĩa. Điều ấy chứng tỏ chúng ta không hiểu hết vấn đề nông dân trong vấn đề dân tộc cũng như vấn đề dân tộc và vấn đề nông dân trong cách mạng dân chủ mới; đồng thời chúng ta cũng không thấy hết những biến chuyển quan trọng về tinh thần yêu nước, về thái độ cách mạng của nông dân sau khi thế giới đã chia thành hai hệ thống.

5. Nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân Việt Nam

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nông dân có một tình hình lịch sử đặc biệt.

Trong vòng 15 năm (từ 1916 đến 1930, 1931) phong trào cách mạng Việt Nam đã trải qua những biến chuyển dồn dập, có phong trào yêu nước do các sĩ phu xuất thân từ giai cấp phong kiến đề xướng xen với những cuộc đấu tranh vì dân quyền mang tính chất tư sản; kể đến là những cuộc vận động cứu nước theo quan điểm cách mạng tư sản song song với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ngày càng sâu rộng do giai cấp vô sản lãnh đạo. Chính trong bối cảnh của cuộc đấu tranh giữa những đường lối chính trị, những xu hướng cách mạng khác nhau ấy mà Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân, ra đời. Đảng Cộng sản là người đại biểu chân chính của các giai cấp cách mạng, đồng thời tiêu biểu cho ý chí chiến đấu ngoan cường của dân tộc Việt Nam trải qua nhiều thế hệ. Đảng không những đại biểu lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu lợi ích của tất cả quần chúng lao động trong nước; và trên một ý nghĩa nào đó, đại biểu lợi ích của cả dân tộc Việt Nam đang bị bọn tư bản thực dân áp bức.

Đối với nông dân, phải có cái gì thiết thực đối với đời sống của họ, phải có cái gì xác thực, rõ ràng hợp với ý thức dân tộc của họ, phải có cái gì cao cả, lớn lao hợp với tâm hồn của họ. Từ chủ trương cách mạng đến thành phần cấu tạo, với người sáng lập và vị lãnh

tự anh minh là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Đông Dương đã làm thỏa mãn những ước vọng của nông dân. Do đó, nông dân đã ủng hộ Đảng, đi theo Đảng và cùng với công nhân đẩy lên những làn sóng đấu tranh dân tộc dân chủ cực kỳ mãnh liệt mà đỉnh cao là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Trong 5 năm kháng chiến, nông dân đã hăng hái chiến đấu cứu nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản với lòng tin tưởng phấn khởi, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ.

Nhưng trong sự lãnh đạo của mình, Đảng ta đã động viên hết năng lực cách mạng dồi dào của nông dân hay chưa? Đảng ta đã làm việc đó, nhưng có thể nói chúng ta chưa hiểu hết sức mạnh và vai trò đặc biệt của nông dân, cho nên trên thực tế chúng ta chưa tận dụng mọi khả năng, mọi thuận lợi để động viên nông dân tham gia kháng chiến mạnh mẽ hơn nữa.

IV

KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM ĐANG NGÀY CÀNG TRƯỞNG THÀNH

Trong chúng ta thường có một lập luận, một ý kiến trù tượng và phần nào máy móc cho rằng sự lãnh đạo cách mạng đã chuyển từ tay giai cấp phong kiến qua tay giai cấp tư sản, và từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản. Nhưng thực tế lịch sử không phải như vậy.

Đành rằng vai trò của giai cấp phong kiến đã hạ màn cùng với thất bại của cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916. Song Duy Tân không phải là người lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng dân tộc thời bấy giờ. Bởi vì từ năm 1908 phong trào chống thuế đã lôi cuốn hàng chục vạn nông dân theo sự lãnh đạo của những người có tư tưởng dân quyền. Và trong khi những sĩ phu yêu nước như cụ Phan Châu Trinh muốn hướng phong trào cách mạng dân tộc vào khuynh hướng tư sản, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có xu hướng đưa sự nghiệp cứu nước vào con đường cách mạng xã hội.

Như vậy, nói đến vai trò lãnh đạo cách mạng nước ta, tuyệt nhiên ta không thấy có sự chuyển tiếp từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản.

Cũng không ít người thường cho rằng, chỉ đến sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, thì ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam mới chuyển từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản. Nhận định như vậy chẳng những không đúng mà còn trái hẳn với diễn biến của lịch sử.

Sự thật là từ năm 1920, từ nước ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nêu cao ngọn cờ vô sản cho sự nghiệp cứu nước của dân tộc Việt Nam. Nhìn vào tình hình cụ thể của phong trào cách mạng trong nước, chúng ta thấy từ những năm 1924, 1925 song song với những cuộc vận động mang màu sắc tư bản, đã có một phong trào dân tộc dân chủ có tính chất xã hội chủ nghĩa do giai cấp vô sản lãnh đạo³. Và trên thực tế, phong trào do vô sản lãnh đạo đã mạnh hơn nhiều. Nếu Việt Nam Quốc dân đảng chỉ có tổ chức ở Bắc Bộ và một ít ở Nam Bộ thì phong trào vô sản đã có tổ chức rộng khắp toàn quốc.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái chỉ diễn ra trong mấy huyện, còn phong trào đấu tranh của vô sản thì lan rộng khắp Bắc, Trung, Nam. Không thể căn cứ vào cuộc khởi nghĩa Yên Bái để nói rằng phong trào tư sản cao hơn phong trào vô sản; trái lại chính cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã chứng tỏ sự yếu kém của phong trào tư sản chẳng những về lượng mà cả về chất.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái chứng tỏ rằng đa số dân cày không đi theo giai cấp tư sản mà hướng theo ngọn cờ của giai cấp vô sản.

³ Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925)

Qua thất bại của cuộc bạo động Yên Bái, người ta càng thấy rõ sự lãnh đạo của giai cấp vô sản Việt Nam được đào luyện trong phong trào vô sản quốc tế đã tỏ ra già dặn hơn nhiều so với sự lãnh đạo của giai cấp tư sản. Thật vậy, nếu thiếu sự lãnh đạo già dặn của giai cấp vô sản trong lúc ấy, thì số dân cày tham gia cuộc manh động đó sẽ nhiều hơn và thiệt hại sẽ lớn hơn.

Sự thật lịch sử là như vậy, tại sao chúng ta lại nhận rằng chỉ sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái thì ngọn cờ lãnh đạo cách mạng mới chuyển từ tay giai cấp tư sản qua tay giai cấp vô sản.

Điều ta có thể khẳng định là sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, giai cấp vô sản trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc đã nằm trọn vẹn trong tay giai cấp vô sản.

Sự thật, cuộc khởi nghĩa Yên Bái chỉ biểu lộ sự hoài vọng và sự bất lực của một số người sản xuất tiểu tư sản và nông dân muốn đưa nền kinh tế tư bản bản xứ mới ló mầm ở một vài nơi thoát khỏi sự kìm hãm của chế độ thực dân phong kiến.

Nó là sự bột phát của tính thần dân tộc trong một số tiểu tư sản trí thức và nông dân không tìm thấy lối thoát trước sự thúc đẩy của phong trào cách mạng thế giới và một phong trào cách mạng mạnh mẽ, sâu rộng hơn của vô sản trong nước.

Nhưng tại sao giai cấp vô sản xác lập được vai trò lãnh đạo của mình trong phạm vi rộng lớn, trong lúc đại biểu của giai cấp tư sản đứng lên với một ngọn cờ yếu ớt để rồi thu lại và chẳng thể gượng dậy được nữa. Đây là một đặc điểm của phong trào cách mạng vô sản ở Việt Nam.

Từ khi nước Việt Nam ta bị đế quốc Pháp đô hộ, giai cấp phong kiến ngu muội, ngoan cố, vì quyền lợi ích kỷ của giai cấp, không gây được một phong trào cải cách nào. Sau vài phen vùng vẫy của một số sĩ phu yêu nước, sau thất bại của vua Duy Tân, vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với cách mạng giải phóng dân tộc đã kết thúc; đồng thời hàng ngũ sĩ phu có sự phân hóa, kẻ thì chuyển qua xu hướng tư sản, người thì đi theo con đường vô sản.

Việc mở rộng khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất⁴ đã làm sinh ra một bộ phận giai cấp tư sản bản xứ hèn yếu, nhưng đồng thời đã làm cho hàng ngũ giai cấp vô sản thêm đông và mạnh.

Khai thác Đông Dương, tư bản Pháp nắm lấy những then chốt của nền kinh tế, nắm độc quyền nhà băng, độc quyền phát hành ngân phiếu, độc quyền ngoại thương, độc quyền giao thông vận tải trong nước, nắm những ngành sản xuất chính, những nguồn lợi chủ yếu như cao su, than đá. Đến những ngành kỹ nghệ nhẹ

⁴ Cuộc khai thác thực địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919-1929) ở Đông Dương

như kéo sợi, dệt vải và những ngành sản xuất vật liệu sản xuất như: xi măng, gạch, ngói, vôi, gỗ... hầu hết cũng nằm trong tay tư bản Pháp. Các nhà tư bản bản xứ, phần lớn từ các tầng lớp địa chủ chuyển thành, chỉ nắm vụn vặt vài ngành kinh tế thương mại phụ thuộc, không một hội buôn, một hội kinh doanh nào có đủ vốn để có thể chống chọi, cạnh tranh với tư bản Pháp, dầu dưới hình thức thấp.

Không những vậy, thực dân Pháp vì muốn buộc nền kinh tế các nước Đông Dương phụ thuộc hẳn vào nền kinh tế Pháp, cho nên chúng không nghĩ đến việc mở mang kỹ nghệ⁵ nặng mà cả đến kỹ nghệ nhẹ cũng không phát triển.

Ở Việt Nam, công nghiệp không phát triển, kinh tế bị đình đốn còn do mấy nguyên nhân sau đây:

Thực dân Pháp phải duy trì chế độ phong kiến để dễ bề cai trị, và những tàn tích phong kiến đã cản trở sự phát triển của kinh tế.

Sự áp bức, bóc lột của đế quốc hết sức gắt gao làm cho mức sống của dân chúng ngày càng sụt, sức tiêu thụ ngày càng kém.

Thực dân Pháp nắm độc quyền thị trường để tiêu thụ hàng hóa của Pháp, đồng thời có sự cạnh tranh của

⁵ Công nghệ, kỹ thuật, kỹ năng hoặc công nghiệp, các lĩnh vực liên quan đến đời sống và sản xuất.

hàng hóa các nước khác như vải bố của Ấn Độ, Hồng Kông, v.v..

Chế độ tiền tệ, cho vay nặng lãi của nhà băng Đông Dương, của Địa ốc ngân hàng, cuộc đại khủng hoảng của kinh tế đế quốc sau Đại chiến lần thứ nhất làm cho nông nghiệp phải phá sản.

Chính sách kinh tế và âm mưu chính trị của thực dân Pháp đã hạn chế quá trình tích lũy tư bản của giai cấp tư sản bản xứ, khiến cho họ không có vốn để mở mang một vài ngành quan trọng về thương mại hay công nghiệp.

Từ bối cảnh kinh tế nói trên làm cho tình hình chính trị xã hội ở Việt Nam có những đặc điểm đáng chú ý. Giai cấp tư sản Việt Nam không đủ sức đóng vai trò như giai cấp tư sản Trung Hoa, Ấn Độ. Do không có lực lượng kinh tế và hoạt động chính trị độc lập. Giai cấp tư sản Việt Nam cũng như giai cấp địa chủ chỉ có cái tư cách, cái năng lực làm công, làm tay sai cho tư bản Pháp, để giữ địa vị ưu thế của mình đối với đồng bào trong nước. Vì vậy, tinh thần chống Pháp của một số tư sản, địa chủ Việt Nam chỉ là muốn thoát cái cảnh làm đầy tớ cho Pháp để chịu ách thống trị của một đế quốc khác mà thôi.

Vì thiếu cơ sở xã hội dựa trên nền tảng kinh tế tư bản, cuộc cách mạng dân tộc có tính chất tư sản do các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức lãnh đạo chỉ là sự manh động phát lên một cách bùng nổ, nhất thời, theo bản chất

tiểu tư sản, rồi vụt tắt với cuộc khởi nghĩa Yên Bái để tìm đường thỏa hiệp với thực dân Pháp. Kết cuộc, các tầng lớp này chỉ còn thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc bằng mấy bài thơ, mấy áng văn hay bằng một vài tiểu thuyết, một vài tờ báo mang màu sắc dân chủ tư sản.

Nếu kinh tế Việt Nam đã đẻ ra một giai cấp tư sản yếu ớt, thì trái lại nó đồng thời tạo nên một giai cấp vô sản tương đối đông và mạnh. Bởi vì giai cấp vô sản không phải ra đời từ khi có giai cấp tư sản bản xứ mà nó đã hình thành và phát triển cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Sự phá sản của nông nghiệp và tiểu công nghiệp đã đưa đến các thành thị, hầm mỏ, đến các đồn điền cao su, cà phê, lúa của thực dân Pháp hàng vạn vô sản.

Sự phát triển tương đối mau chóng của giai cấp vô sản song song với tình trạng bán cùng hóa của các tầng lớp nông dân, sự đoàn kết tự nhiên của các tầng lớp này với giai cấp vô sản làm cho lực lượng vô sản trở nên rất hùng hậu.

Trước tình trạng ươn hèn phụ thuộc của giai cấp tư sản và tính bùng nổ nhất thời dễ đi đến thỏa hiệp, đầu hàng của các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, giai cấp vô sản Việt Nam, một giai cấp bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ, càng nhận rõ vai trò quan trọng của mình là phải gánh vác sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và để tự giải phóng. Trong khi đó, ở Trung Quốc, nước láng giềng

có nhiều ảnh hưởng về văn hóa đối với nước ta, giai cấp tư sản đã vút bỏ ngọn cờ dân tộc; ở Liên Xô, cách mạng vô sản đã thành công trên 1/6 địa cầu; thế giới tư bản chủ nghĩa bị sụp đổ một mảng lớn và đang rung chuyển trong bão táp cách mạng. Bối cảnh quốc tế ấy làm nổi bật thêm vai trò lịch sử hiển nhiên của giai cấp vô sản Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng các giai cấp bị áp bức.

Dưới chế độ thực dân Pháp, tình cảnh dân cày Việt Nam ngày càng bần cùng, điêu đứng trong khi giai cấp tư sản bản xứ tỏ ra yếu hèn, bất lực, trái lại, cách mạng vô sản thành công ở nước Nga đã giải phóng dân cày khỏi ách chuyên chế của tư sản và địa chủ. Tình hình đó làm cho dân cày Việt Nam thấy rõ phải đi hẳn vào con đường cách mạng của giai cấp vô sản.

Quyền lợi của giai cấp vô sản Việt Nam gắn liền với quyền lợi của đa số nhân dân lao động trong nước và công cuộc giải phóng dân tộc. Phong trào vô sản nước ta còn là một bộ phận của phong trào vô sản quốc tế. Với vị trí chính trị ở trong nước và trên thế giới như thế, giai cấp vô sản Việt Nam có điều kiện để vũ trang cho mình lý luận tiên phong về cách mạng giải phóng dân tộc và tự xây dựng thành một đội tiên phong có đủ tinh thần và lực lượng để chiến thắng đế quốc và phong kiến, giải phóng cho dân tộc, cho giai cấp, giành lại độc lập cho Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam mới.

Vì vậy, giai cấp vô sản chẳng những có khả năng đoàn kết đại bộ phận tầng lớp cần lao chung quanh mình mà còn có thể lôi cuốn các phần tử tiểu tư sản, các nhà trí thức đến cả các nhân sĩ dân chủ, yêu nước đi theo con đường cách mạng vô sản.

Trong khoảng 15 năm (từ 1916 đến 1923, 1924, và từ 1924, 1925 đến 1930, 1931) cách mạng Việt Nam đã biến chuyển dồn dập”. Xuất phát từ sự phát triển nhảy vọt đó và vận dụng lý luận tiên phong của giai cấp mình, những người lãnh đạo phong trào vô sản chẳng những đã vạch được một lập trường giải phóng dân tộc mang đầy đủ tính khoa học, tính thời đại, mà còn thu hút vào hàng ngũ của mình những phần tử cách mạng ưu tú, đại diện đầy đủ ý nguyện của các tầng lớp nhân dân và tiêu biểu đầy đủ hình ảnh của cả dân tộc. Do những đặc điểm nói trên, giai cấp vô sản Việt Nam đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc ở nước mình đến thắng lợi.

Nhìn chung cả thế giới, chúng ta thấy cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo đã thành công ở ba loại nước khác nhau:

Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã nổ ra và thắng lợi lần đầu tiên trên thế giới ở một nước tư bản đế quốc mà tàn tích phong kiến còn nặng. Đó là Liên Xô.

Cách mạng vô sản đã thắng lợi ở một nước bán thuộc địa bằng một cuộc chiến đấu vũ trang lâu dài đập tan

các thế lực đế quốc, chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến. Đó là Trung Quốc.

Và lần đầu cách mạng ở một nước thuộc địa giành được thắng lợi: nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay bọn đế quốc, tiếp đó anh dũng kháng chiến để chiến thắng hoàn toàn bọn thực dân xâm lược và bè lũ tay sai. Đó là Việt Nam.

Nếu không hiểu rõ những đặc điểm của cách mạng Việt Nam, mà nhận xét giai cấp vô sản Việt Nam tách rời phong trào cách mạng vô sản thế giới, tách rời tình hình cụ thể về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và quá trình chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc qua các thời kỳ, thì chúng ta sẽ không đánh giá một cách đầy đủ vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với cách mạng Việt Nam.

Sự xuất hiện, phát triển và trưởng thành của giai cấp vô sản Việt Nam là sự tuân thủ tất những điều kiện của lịch sử cách mạng đất nước. Nền cách mạng để tiến tới thắng lợi cần phải đặt dưới một lực lượng có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nguyện vọng của đại đa số quần chúng nhân dân, chỉ khi đó mới công cuộc đấu tranh mới thực sự được hưởng ứng đông đảo, mạnh mẽ và cách mạng được thực hiện một cách triệt để nhất. Vậy thì lịch sử đã minh chứng rằng, giai cấp vô sản đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện khách quan mà cách mạng đòi hỏi, chỉ khi đó, cách mạng mới mang tính triệt để nhất.

Kể từ khi cách mạng đặt dưới một chính đảng đại diện cho giai cấp vô sản, chúng ta đã được chứng kiến những thắng lợi vẻ vang nhất, vĩ đại và làm rung động toàn cầu, từ thành quả đầu tiên của Cách mạng tháng 8, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của toàn nhân dân đến những chiến công đầy vẻ vang và hạnh phúc của 9 năm trường kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), hơn 20 năm cho cuộc đấu tranh vĩ đại vì sự nghiệp thống nhất đất nước và đập tắt âm mưu bành trướng của Đế quốc Mỹ hay những kiên cường chiến đấu chống lại tập đoàn diệt chủng Khơ-me Đỏ và giải phóng nhân dân Campuchia khỏi một thời kì tối tăm, chống lại âm mưu hèn hạ của Trung Quốc những năm 70, 80 của thế kỉ XX. Những sự kiện này đã chứng minh rõ nét cho một sự thật không thể chối cãi, cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản là hoàn toàn đúng đắn và từng ngày trưởng thành hơn nữa.

BÚT KÝ TỪ BAN BIÊN TẬP

1. Thế nào là vô sản hóa?

Qua những lí luận trên, ta thấy cụ Lê Duẩn đã làm rõ một trong những vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam : Trong hàng ngũ cộng sản thì không phải ai cũng là vô sản, và muốn vô sản hoá không phải là chỉ đi phụng sự giai cấp vô sản, phần nhiều những hành động phụng sự ấy là do tri thức cách mạng chứ chưa phải thấm thía những nỗi đau của người vô sản mà đi đấu tranh; Đảng Cộng Sản là của người cộng sản, người cộng sản là người vô sản nhưng không phải lúc nào Đảng cộng sản cũng là giai cấp vô sản. Cụ Lê Duẩn chỉ ra không thể lẫn lộn giữa Đảng và giai cấp, giữa người cộng sản và người vô sản, giữa người giác ngộ cách mạng tham gia ngũ vô sản với người đã vô sản hoá.

Muốn hiểu vô sản hoá phải biết sự xuất hiện của vô sản hoá, đó là sự chuyển biến kinh tế giúp xuất hiện bản chất và hình thái giai cấp mang tính là hiện tượng lịch sử-xã hội quan trọng.

Bản thân hiện tượng vô sản hoá có hai mặt, sự vô sản hoá các tầng lớp lao động xuất hiện theo sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Và Chủ nghĩa xã hội cũng có vô sản hoá, nhưng là để tiến vào giai đoạn cách mạng dân chủ mới.

Chủ nghĩa tư bản phát triển song song với hiện tượng vô sản hoá. Vì thế Để giải thích hiện tượng vô sản hoá phải tiến tới phân tích sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam.

2. Chủ nghĩa tư bản và giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Chủ nghĩa tư bản Việt Nam xuất hiện nhờ đế quốc Pháp đưa vào chứ không phải do bản thân xã hội Việt Nam sinh ra, cũng từ đó kinh tế nước ta phụ thuộc sâu rộng Chủ nghĩa tư bản Pháp.

Chủ nghĩa tư bản ít nhiều sẽ nảy sinh vô sản, ở Việt Nam ta sự lớn mạnh của giai cấp tư sản làm cho nông dân phá sản để lên thành thị làm việc cho tư sản, hình thành vô sản ở Việt Nam. Cho nên sự hình thành của giai cấp vô sản Việt Nam song song với sự sụp đổ của nông dân.

3. Về vấn đề vô sản hóa

A. Vô sản hóa

Việc không hiểu rõ vô sản hoá là một sai lầm tệ hại từng diễn ra trong những năm 1931-1932. Nghiêm trọng hơn sai lầm kia, đó là cho rằng chỉ có phong trào vô sản chống lại tư sản bản xứ mới là đúng đắn mà không màn tới phong trào giải phóng dân tộc có tính

vô sản là đã rơi vào một phân luận điệu của đám đế
nhị quốc tế.

Ta thấy rõ nếu không phân tích bước đường của chủ
nghĩa tư bản, thì sẽ không rõ cách nhân dân Việt Nam
đi vào vô sản hoá, và sẽ mù mịt trong tính chất dân tộc
của phong trào vô sản, là cho rằng chỉ nên ủng hộ cuộc
đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại tư sản bản xứ
thay vì thực hành lí luận về giải phóng dân tộc.

Những sai lầm đó bắt đầu từ đâu? Là không hiểu rõ
sự hình thành CNTB nước ta dẫn đến không biết bước
đường đẩy nông dân thành vô sản, cuối cùng là mù
mịt về vấn đề dân tộc trong phong trào vô sản cách
mạng.

Trên chỉ là những sai lầm về nhận thức, nhưng không
ít lần nó xảy ra trong thực tế lịch sử. Không ít cán bộ
mang tư tưởng trịch thượng, ý mình đi phục tùng vô
sản đã là “vô sản hoá”, là đã đại diện giai cấp vô sản
rồi.

B. Vô sản áo xanh và vô sản áo nâu

Một vấn đề từng gây tranh cãi là sự phân hoá giữa
nhóm vô sản áo xanh (có tay nghề) và vô sản áo nâu
(không có tay nghề) khiến người ta ngờ vực khả năng
lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Rằng vô sản áo xanh vì có tay nghề nên lương cao, ngân ngại cách mạng. Còn vô sản áo nâu do bị bóc lột thặng dư nặng nề nên hăng hái với cách mạng. Cho nên một số người thiên về vô sản áo nâu, hoặc ngờ vực khả năng lãnh đạo của họ, người ta chỉ ủng hộ công nhân áo nâu, nhóm khác thì đánh giá thấp bản lĩnh của giai cấp vô sản trong cách mạng. Những quan điểm trên là sai lầm, là hệ quả của việc không nắm bắt rõ quy luật hình thành của bóc lột thặng dư lao động trong kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sự phân rẽ giữa hai nhóm này là không tuyệt đối và chỉ tồn tại nhất thời ở giai đoạn đầu khi mà chủ nghĩa tư bản phát triển sơ khai. Khi đến một lúc nó cần cạnh tranh, nhóm vô sản áo xanh sẽ bị bóc lột thặng dư tương tự vô sản áo nâu.

3. Giai cấp vô sản thực tế có đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam hay không?

Trước tiên cần phải xét trên sự vận động không ngừng của lịch sử. Các phong trào yêu nước như phong trào Đông Du, Duy Tân và các cuộc bạo động khác đều mang dấu ấn của chế độ cũ và không giải quyết triệt để được các mâu thuẫn cho mọi tầng lớp nhân dân. Sự thật, cuộc bạo động Yên Bái chỉ biểu lộ sự bất lực cuối cùng của một số tiểu tư sản ái quốc muốn thoát khỏi sự kìm hãm của chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến và sự thất bại đến là điều tất yếu. Quân Pháp phản công, cuộc bạo động bị thất bại. Nguyễn Thái Học, cùng các nhân vật chủ chốt, và các đồng sự khác bị bắt. Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-

1930, Nguyễn Ái Quốc đã cho biết tình hình sau “vụ Quốc dân đảng” thì tình hình ở An Nam bị khủng bố gắt gao: “Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cân mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam Quốc dân đảng”. ⁶Bí Thư Thứ Nhất Lê Duẩn cũng nhận định rằng Khởi nghĩa Yên Bái chỉ là một 'cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, dễ rồi chết luôn không bao giờ ngóc lên nổi. Khẩu hiệu “Không thành công thì thành nhân” biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản⁷. Điều ta có thể khẳng định là sau cuộc bạo động Yên Bái, giai cấp vô sản trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nói cách khác ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng đã nằm trọn trong tay giai cấp vô sản.

Nhưng tại sao giai cấp vô sản xác lập được vai trò lãnh đạo của mình trong phạm vi rộng lớn, trong lúc đại biểu của giai cấp phong kiến và tư sản chỉ vùng vẫy yếu ớt rồi biến mất hẳn ?

Đây là một đặc điểm của phong trào cách mạng vô sản ở Việt Nam.

Từ khi Việt Nam ta bị thực dân Pháp đô hộ, giai cấp phong kiến ngu muội, vì quyền lợi ích kỷ của bản thân

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập tập 3 (1930 - 1945)

⁷ Trang thông tin điện tử thành phố Yên Bái
<https://thanhphoyenbai.yenbai.gov.vn/thong-tin-danh-cho-du-khach/khoi-nghia-yen-bai-288477>

mà chấp nhận kiếp sống làm nô lệ dưới gót giày của bè lũ thực dân. Sau sự thất bại của các sĩ phu yêu nước và vua Duy Tân, vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với cách mạng giải phóng dân tộc đã hoàn toàn kết thúc.

Việc mở rộng khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương sau hai cuộc chiến tranh thế giới đã khiến cho kinh tế Việt Nam kiệt quệ hoàn toàn. Khai thác Đông Dương, tư bản Pháp nắm lấy những then chốt của nền kinh tế, nắm độc quyền nhà băng, độc quyền giao thông vận tải trong nước, ... Đến những ngành kỹ nghệ nhẹ như kéo sợi, dệt vải cũng nằm trong tay tư bản Pháp. Các nhà tư bản bản xứ chỉ nắm vồn vèn vài ngành kinh tế thương mại phụ thuộc, không một doanh nghiệp nào có đủ vốn để cạnh tranh với tư bản Pháp dù cho dưới hình thức thấp nhất. Chính sách kinh tế và âm mưu chính trị thâm độc của thực dân Pháp đã hạn chế quá trình tích lũy tư bản của giai cấp tư sản bản xứ, tức là khó có doanh nghiệp nào ở Việt Nam có thể phát triển lớn mạnh, khiến cho họ không có vốn để tái sản xuất cũng như nghiên cứu phát triển công nghệ mới phục vụ cho lao động và sản xuất.

Nếu so sánh với giai cấp tư sản Trung Hoa hay Ấn Độ, thật khó để đặt tư sản Việt Nam lên bàn cân. Do không có đủ nguồn lực và khả năng hoạt động chính trị độc lập, giai cấp tư sản Việt Nam cũng chỉ làm tay sai cho tư bản Pháp để giữ lấy tiền bạc, của cải cũng như địa vị đầy nhục nhã của chúng. Nền kinh tế Việt

Nam để ra một giai cấp tư sản yếu ớt thì trái lại nó tạo nên một giai cấp vô sản tương đối đông và mạnh. Bởi vì giai cấp vô sản không phải ra đời từ khi có giai cấp tư sản bản xứ mà nó đã hình thành cùng với sự khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, chế độ thực dân đã đẩy hàng trăm ngàn người dân Việt Nam vào tầng lớp vô sản. Sự phát triển tương đối mau chóng của giai cấp vô sản với tình trạng bần cùng hoá của các tầng lớp nông dân, sự đoàn kết này đã làm cho lực lượng vô sản trở nên rất hùng hậu và lớn mạnh.

Trước tình trạng hèn nhát phụ thuộc của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản Việt Nam càng nhận rõ vai trò phải gánh vác sứ mệnh tiên phong trong cách mạng giải phóng dân tộc. Cùng lúc đó ở Trung Quốc, giai cấp tư sản cũng đã vứt bỏ ngọn cờ dân tộc; ở Liên Xô, cách mạng vô sản đã thành công trên một phần sáu địa cầu; thế giới tư bản chủ nghĩa bị sụp đổ một mảng lớn và đang rung chuyển trong bão táp của cách mạng. Bối cảnh quốc tế ấy thêm củng cố và làm nổi bật vai trò lịch sử hiển nhiên của giai cấp vô sản Việt Nam với sự nghiệp giải phóng các dân tộc và giai cấp bị áp bức.

Quyền lợi của giai cấp vô sản Việt Nam gắn liền với quyền lợi của đa số nhân dân lao động trong nước và công cuộc giải phóng dân tộc. Phong trào vô sản nước ta còn là một bộ phận của phong trào vô sản quốc tế. Với vị trí chính trị trong nước và trên thế giới, giai cấp vô sản Việt Nam hoàn toàn có điều kiện để vũ trang cho mình lý luận tiên phong về cách mạng giải phóng

dân tộc và tự xây dựng thành một đội tiên phong có đủ tinh thần và lực lượng để chiến thắng trong cuộc chiến phản đế, phản phong, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Vì thế giai cấp vô sản chẳng những có khả năng đoàn kết toàn bộ tầng lớp cần lao mà còn có thể lôi cuốn các phần tử tiểu tư sản, các nhà trí thức đi theo con đường cách mạng vô sản. Trong khoảng 15 năm (từ 1916 - 1931) cách mạng Việt Nam đã có nhiều biến chuyển. Xuất phát từ sự phát triển nhảy vọt đó và vận dụng lý luận tiên phong của giai cấp mình, những người lãnh đạo phong trào vô sản chẳng những đã vạch được một lập trường giải phóng dân tộc mang đầy đủ tính khoa học, tính thời đại mà còn thu hút vào hàng ngũ của mình những phần tử cách mạng ưu tú, đại diện cho ý nguyện của tầng lớp cần lao. Do đó, giai cấp vô sản Việt Nam đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi.

Không hiểu rõ những đặc điểm của cách mạng Việt Nam, nhận xét giai cấp vô sản Việt Nam tách rời khỏi phong trào cách mạng vô sản thế giới, tách rời tình hình cụ thể về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và sự biến chuyển của phong trào giải phóng dân tộc qua các thời kỳ thì chúng ta sẽ không đánh giá được đầy đủ vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với cách mạng Việt Nam. Giống như Bí Thư Thứ Nhất Lê Duẩn từng nhận định trong bài phát biểu nhân dịp 80 năm ngày mất của Các - Mác “ Chuyên chính vô sản là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chủ nghĩa cộng sản khoa học”. Do đó để đưa nhân loại tiến lên theo sự vận động không ngừng của xã hội, giai cấp vô sản luôn là giai

cấp tiên phong và không gì có thể lay chuyển được sự quyết tâm của giai cấp vĩ đại này.

